

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT HỌC BỔNG HK1 (2019-2020)

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
1	1581610010	D10CNCTM	Bùi Quang	Diệu	09/11/1996	14	4	90	2.75	Xuất sắc	8,750,000
2	1581660067	D10CNCTTBD	Kiều Doãn	Thức	20/02/1996	17	4	90	3.37	Xuất sắc	8,750,000
3	1581620020	D10CODT	Nguyễn Huy	Hoàng	06/12/1997	14	4	91	2.94	Xuất sắc	8,750,000
4	1581620050	D10CODT	Nguyễn Thị	Thom	30/06/1997	14	4	91	2.93	Xuất sắc	8,750,000
5	1581310051	D10CNPM	Đặng Thị	Thúy	10/08/1997	14	4	96	3.07	Xuất sắc	8,750,000
6	1581310040	D10CNPM	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/05/1996	14	4	90	3.4	Xuất sắc	8,750,000
7	1581410035	CLC.D10CNTD	Nguyễn Đức	Trung	29/06/1997	14	4	98	2.96	Xuất sắc	8,750,000
8	1581410025	CLC.D10CNTD	Nguyễn Hoàng	Minh	20/04/1996	14	4	96	2.74	Xuất sắc	8,750,000
9	1581410147	D10CNTD1	Nguyễn Trung	Tĩnh	28/03/1994	14	4	95	3.04	Xuất sắc	8,750,000
10	1581420008	CLC.D10DCN	Trần Văn	Đạt	07/06/1997	14	4	95	3	Xuất sắc	8,750,000
11	1581420004	CLC.D10DCN	Nguyễn Tuấn	Biên	20/06/1997	14	4	95	2.94	Xuất sắc	8,750,000
12	1581420162	D10DCN&DD1	Nguyễn Trọng	Tú	07/01/1997	14	4	90	2.76	Xuất sắc	8,750,000
13	1582710020	D10DIENHN	Trương Phi	Lâm	15/06/1995	14	4	94	2.83	Xuất sắc	8,750,000
14	1581940008	D10DIENLANH	Chu Tiến	Đạt	25/02/1997	14	4	91	2.78	Xuất sắc	8,750,000
15	1581510139	D10DTVT1	Hoàng Đức	Thanh	19/01/1996	14	4	94	2.86	Xuất sắc	8,750,000
16	1581510126	D10DTVT1	Vũ Chu	Mạnh	31/07/1997	14	4	94	2.72	Xuất sắc	8,750,000
17	1581110028	CLC.D10H1	Đồng Bá	Long	10/05/1997	14	4	96	2.95	Xuất sắc	8,750,000
18	1581110013	CLC.D10H1	Nguyễn Thế	Hà	28/12/1997	14	4	95	2.87	Xuất sắc	8,750,000
19	1581210016	CLC.D10H2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	28/02/1997	14	4	92	3.3	Xuất sắc	8,750,000
20	1581910015	CLC.D10H2	Phạm Ngọc	Hiếu	16/05/1995	14	4	91	2.64	Xuất sắc	8,750,000
21	1581110203	D10H2	Nguyễn Tuấn	Anh	06/02/1994	19	4	90	3.15	Xuất sắc	8,750,000
22	1581110212	D10H2	Hoàng Tuấn	Dũng	17/07/1996	14	4	90	2.93	Xuất sắc	8,750,000
23	1581520002	D10KTDT	Nguyễn Ngọc	Anh	12/06/1997	14	4	91	2.21	Xuất sắc	8,750,000
24	1581960010	D10NLTT	Trần Trung	Đức	05/01/1996	14	4	95	2.93	Xuất sắc	8,750,000
25	1581910050	D10NHIT	Nguyễn Văn	Vương	14/08/1995	14	4	93	2.67	Xuất sắc	8,750,000
26	1581640036	D10QLDA&CTD	Nguyễn Đức	Sáng	13/01/1997	14	4	97	2.82	Xuất sắc	8,750,000
27	1581950028	D10QLMTCN	Nguyễn Văn	Trường	13/11/1997	14	4	94	2.84	Xuất sắc	8,750,000
28	1581210031	CLC.D10QLNL	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/11/1996	14	4	100	3	Xuất sắc	8,750,000
29	1581320003	D10QTANM	Ngô Đình	Anh	13/10/1997	14	4	95	3.03	Xuất sắc	8,750,000
30	1581530029	D10TBDTYT	Hoàng Thành	Long	08/03/1997	14	4	95	2.58	Xuất sắc	8,750,000
31	1581530032	D10TBDTYT	Đoàn Thị Bích	Ngọc	12/04/1997	14	4	90	3.55	Xuất sắc	8,750,000
32	1581330007	D10TMDT	Vũ Trang	Duy	03/11/1995	14	4	91	3.22	Xuất sắc	8,750,000
33	1581410342	D10TDH&DKTB	Nguyễn Văn	Thành	15/08/1996	14	4	92	2.69	Xuất sắc	8,750,000
34	1581630011	D10XDCTD	Chu Tiến	Đạt	28/02/1997	14	4	89	2.61	Giỏi	8,000,000
35	1581650031	D10XDDD&CN	Nguyễn Chiến	Thắng	04/04/1996	14	4	89	2.85	Giỏi	8,000,000
36	1681610051	D11CNCTM	Hoàng Văn	Tuyên	22/05/1998	17	3.85	100	2.95	Xuất sắc	8,750,000
37	1681660016	D11CNCTTBD	Trần Ngọc	Hải	27/11/1998	18	3.33	89	2.48	Giỏi	8,000,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
38	1681620035	D11CODT	Hoàng Văn	Minh	27/09/1998	17	3.88	95	3.14	Xuất sắc	8,750,000
39	1681620016	D11CODT	Trần Thành	Đạt	24/03/1997	17	3.88	94	3.18	Xuất sắc	8,750,000
40	1681310053	D11CNPM	Đặng Công	Thành	04/11/1998	16	3.75	85	2.73	Giỏi	8,000,000
41	1681310024	D11CNPM	Nguyễn Minh	Dương	11/01/1998	16	3.69	81	3.09	Giỏi	8,000,000
42	1681410154	D11CNTD1	Lương Hoa	Vinh	13/09/1998	20	2.93	83	2.43	Khá	7,250,000
43	1681410249	D11CNTD2	Vũ Trần Bảo	Trung	16/08/1998	16	2.88	90	2.44	Khá	7,250,000
44	1681410126	D11CNTD1	Nguyễn Việt	Hung	17/08/1998	18	2.86	81	2.48	Khá	7,250,000
45	1681420210	D11DCN&DD2	Nguyễn Văn	Đoàn	12/06/1998	14	3.89	99	2.88	Xuất sắc	8,750,000
46	1681420235	D11DCN&DD2	Phạm Hải	Quân	17/10/1998	14	3.89	90	2.64	Xuất sắc	8,750,000
47	1681420245	D11DCN&DD2	Bùi Đức	Trình	18/05/1998	14	3.75	87	2.61	Giỏi	8,000,000
48	1682710007	D11DHN	Nguyễn Đình	Diện	02/12/1997	21	3.64	96	2.96	Xuất sắc	8,750,000
49	1681940038	D11DIENLANH	Trần Quang	Toàn	15/02/1998	17	3.85	82	2.87	Giỏi	8,000,000
50	1681510244	D11DTVT2	Dương Tuấn	Tối	26/10/1998	22	3.23	82	2.59	Giỏi	8,000,000
51	1681510246	D11DTVT2	Đỗ Anh	Tú	26/01/1998	20	3.13	85	2.82	Khá	7,250,000
52	1681510219	D11DTVT2	Phạm Chí	Kiên	07/11/1997	20	3.03	84	2.25	Khá	7,250,000
53	1681110261	D11H2	Bùi Quang	Tiến	25/10/1997	26	3.92	90	3	Xuất sắc	8,750,000
54	1681110257	D11H2	Nguyễn Quang	Thắng	09/08/1998	17	3.88	90	3.61	Xuất sắc	8,750,000
55	1681110020	CLC.D11H1	Trần Vũ	Quốc	29/07/1998	15	3.87	89	3.35	Giỏi	8,000,000
56	1681110273	D11H2	Nguyễn Trần	Vương	07/04/1998	22	3.86	90	3.09	Xuất sắc	8,750,000
57	1681110149	D11H1	Lê Quang	Son	16/04/1998	17	3.76	89	2.65	Giỏi	8,000,000
58	1681110115	D11H1	Nguyễn Chí	Dũng	17/08/1998	17	3.65	89	2.95	Giỏi	8,000,000
59	1681810163	D11KTDN1	Nguyễn Thị	Văn	03/08/1998	16	3.56	88	2.87	Giỏi	7,150,000
60	1681810208	D11KTDN2	Đỗ Thị Minh	Chiến	14/03/1998	16	3.56	83	3.36	Giỏi	7,150,000
61	1681810110	D11KTDN1	Tạ Thị	Định	02/08/1998	16	3.56	83	3.28	Giỏi	7,150,000
62	1681810235	D11KTDN2	Đặng Thị Minh	Lý	21/08/1998	16	3.5	85	3.09	Giỏi	7,150,000
63	1681830051	D11KTTC&KS	Mỵ Thu	Thùy	28/10/1995	22	3.64	96	3.09	Xuất sắc	7,800,000
64	1681830021	D11KTTC&KS	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	26/10/1998	17	3.38	96	3.15	Giỏi	7,150,000
65	1681510311	D11KTDT	Nguyễn Văn	Đức	22/03/1998	17	3.62	91	3.1	Xuất sắc	8,750,000
66	1681510324	D11KTDT	Nguyễn Thị	Hương	02/01/1998	17	3.59	87	2.99	Giỏi	8,000,000
67	1681960004	D11NLTT	Nguyễn Hoàng	Dũng	11/12/1998	26	3.02	80	2.15	Khá	7,250,000
68	1681910047	D11NHIET	Trần Văn	Thông	01/03/1997	18	3.89	95	3.04	Xuất sắc	8,750,000
69	1681640010	D11QLDA&CTD	Nguyễn Đức	Hiếu	18/12/1998	17	3.74	92	2.29	Xuất sắc	8,750,000
70	1681950009	D11QLMT	Vũ Thị	Luyện	03/11/1998	19	3.76	91	2.85	Xuất sắc	8,750,000
71	1681210151	D11QLNL	Trần Thị Minh	Thư	22/05/1998	17	3.82	90	2.97	Xuất sắc	8,750,000
72	1681320044	D11QTANM	Mai Quang	Vinh	22/09/1998	16	4	89	2.7	Giỏi	8,000,000
73	1681710001	CLC.D11QTDN	Nguyễn Đoàn Hà	An	27/01/1998	16	3.69	95	2.73	Xuất sắc	7,800,000
74	1681720047	D11QTDLKS	Nguyễn Thị	Phúc	28/01/1998	16	3.88	80	3.23	Giỏi	7,150,000
75	1681720014	D11QTDLKS	Đàm Thị	Đào	20/06/1998	16	3.81	80	2.85	Giỏi	7,150,000
76	1681820155	D11TCDN	Nguyễn Hoàng	Yến	24/09/1998	20	3.75	90	2.64	Xuất sắc	7,800,000
77	1681510402	D11TBDTYT	Trần Ngọc	Ánh	01/07/1998	15	3.4	85	2.75	Giỏi	8,000,000
78	1681330023	D11TMDT	Nguyễn Thị	Huyền	25/04/1998	17	3.76	85	2.95	Giỏi	8,000,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
79	1681410371	D11TDH&DKTB	Lê Văn	Trọng	22/02/1998	17	3.24	83	2.82	Giỏi	8,000,000
80	1681410302	D11TDH&DKTB	Tạ Tùng	Anh	04/04/1997	17	3.24	82	2.91	Giỏi	8,000,000
81	1681630026	D11XDCTD	Nguyễn Nam	Trưởng	28/12/1998	18	3.61	92	2.84	Xuất sắc	8,750,000
82	1681650005	D11XDDD&CN	Nguyễn Tuấn	Ánh	16/10/1998	16	3.56	90	2.7	Giỏi	8,000,000
83	1781610067	D12CNCTM	Trương Văn	Thắng	26/07/1999	15	3.8	90	2.5	Xuất sắc	8,750,000
84	1781610024	D12CNCTM	Kiều Văn	Hiển	15/03/1999	17	3.59	80	2.49	Giỏi	8,000,000
85	1781620087	D12CODT1	Nguyễn Duy	Thành	23/11/1999	18	4	92	3.47	Xuất sắc	8,750,000
86	1781620019	D12CODT1	Tô Ngọc	Dậu	04/05/1999	18	4	91	2.72	Xuất sắc	8,750,000
87	1781310028	D12CNPM1	Nguyễn Đức	Duy	05/12/1999	19	3.84	87	2.81	Giỏi	8,000,000
88	1781310065	D12CNPM1	Trần Đức	Soạn	11/10/1999	19	3.82	87	2.69	Giỏi	8,000,000
89	1781310108	D12CNPM2	Trần Thế	Anh	01/01/1999	19	3.79	90	3.16	Xuất sắc	8,750,000
90	1781310064	D12CNPM1	Nguyễn Ngọc	Quý	15/06/1999	19	3.74	88	2.71	Giỏi	8,000,000
91	1781310005	D12CNPM1	Nguyễn Hoàng	Anh	01/04/1999	19	3.74	87	2.96	Giỏi	8,000,000
92	1781410023	D12CNTD	Đặng Hùng	Mạnh	28/09/1999	17	3.41	96	2.84	Giỏi	8,000,000
93	1781410031	D12CNTD	Hà Bách	Thịnh	31/01/1999	17	3.29	98	2.75	Giỏi	8,000,000
94	1781420002	D12DCN&DD	Vũ Khắc	Bình	18/09/1995	20	3.33	90	3.34	Giỏi	8,000,000
95	1781420014	D12DCN&DD	Nguyễn Hà	Giang	24/07/1999	20	3.33	86	3.07	Giỏi	8,000,000
96	1781420149	D12DCN&DD	Đồng Xuân	Chiến	5/2/1999	20	3.08	89	2.36	Khá	7,250,000
97	1781940006	D12DIENLANH	Nguyễn Đình	Đức	14/10/1999	17	3.53	93	3.02	Giỏi	8,000,000
98	1781510107	D12DTVT	Nguyễn Việt	Đức	27/09/1999	16	3.75	76	2.65	Khá	7,250,000
99	1781510003	D12DTVT	Trần Hạnh	Ngân	16/11/1998	14	3.64	85	2.49	Giỏi	8,000,000
100	1781510061	D12DTVT	Nguyễn Hà	Phương	14/11/1999	14	3.57	80	2.8	Giỏi	8,000,000
101	1781110035	D12H1	Nguyễn Đức	Hoàn	08/09/1999	19	3.66	86	3.06	Giỏi	8,000,000
102	1781110174	D12H2	Lê Tấn	Vũ	30/12/1999	19	3.63	85	3.09	Giỏi	8,000,000
103	1781110220	CLC.D12H	Vũ Quang	Huy	26/01/1999	17	3.53	85	3.03	Giỏi	8,000,000
104	1781110023	D12H1	Nguyễn Phúc	Duyệt	09/11/1995	19	3.45	85	3.01	Giỏi	8,000,000
105	1781110045	D12H1	Ngô Quốc Chương	Kiên	02/11/1999	19	3.34	86	3.05	Giỏi	8,000,000
106	1781810165	D12KTDN2	Nguyễn Thị	Thắm	01/04/1999	18	3.83	84	3.04	Giỏi	7,150,000
107	1781810085	D12KTDN1	Dương Minh	Thành	11/10/1999	18	3.83	83	2.87	Giỏi	7,150,000
108	1781810008	D12KTDN1	Vũ Thị Quỳnh	Anh	13/12/1999	18	3.81	86	3.03	Giỏi	7,150,000
109	1781810109	D12KTDN2	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	04/01/1999	18	3.75	84	3.11	Giỏi	7,150,000
110	1781830021	D12KTTC&KS	Nguyễn Văn	Quyền	01/05/1998	18	3.64	87	3.2	Giỏi	7,150,000
111	1781510219	D12KTDT	Nguyễn Thị	Hồng	26/02/1999	14	3.79	86	2.86	Giỏi	8,000,000
112	1781510207	D12KTDT	Thân Thị	Định	04/08/1999	14	3.79	83	2.85	Giỏi	8,000,000
113	1781640013	D12QLDA&CTD	Vô Minh	Nam	17/11/1999	19	3.16	81	2.31	Khá	7,250,000
114	1781210023	D12QLNL	Đoàn Thế	Phong	29/07/1999	17	3.29	93	2.68	Giỏi	8,000,000
115	1781320004	D12QTANM	Nguyễn Khắc	Đồng	22/07/1999	16	4	92	2.94	Xuất sắc	8,750,000
116	1781710009	D12QTDN	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999	19	3.53	85	2.87	Giỏi	7,150,000
117	1781710053	D12QTDN	Nguyễn Thị Tú	Uyên	05/02/1999	19	3.5	85	2.89	Giỏi	7,150,000
118	1781720030	D12QTDLKS	Mai Thị	Ngọc	26/12/1999	16	3.56	100	3.13	Giỏi	7,150,000
119	1781820102	CLC.D12TCDN	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/06/1998	18	3.56	85	2.48	Giỏi	7,150,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
120	1781820030	D12TCDN	Bùi Thị Khánh	Linh	12/09/1999	19	3.29	80	2.72	Giỏi	7,150,000
121	1781510301	D12TBDTYT	Đặng Tuấn	Cường	08/12/1999	16	2.94	80	2.08	Khá	7,250,000
122	1781330057	D12TMDT	Trần Thị	Tuyển	24/10/1999	18	3.39	90	2.98	Giỏi	8,000,000
123	1781330001	D12TMDT	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/10/1999	18	3.39	90	2.72	Giỏi	8,000,000
124	1781410312	D12TDH&DK1	Cù Ngọc	Đại	06/11/1996	17	3.32	92	2.93	Giỏi	8,000,000
125	1781410411	D12TDH&DK2	Bùi Đức	Cường	12/11/1999	17	3.24	86	2.81	Giỏi	8,000,000
126	1781410365	D12TDH&DK1	Bùi Đức	Thái	11/11/1999	17	3.15	83	2.37	Khá	7,250,000
127	1781410348	D12TDH&DK1	Vũ Văn	Khải	20/02/1999	17	3.06	81	2.38	Khá	7,250,000
128	1781650010	D12XDDD&CN	Vương Ngọc	Hiền	30/01/1999	17	3.35	80	2.46	Giỏi	8,000,000
129	18810610045	D13CKCTM	Nguyễn Văn	Thuần	09/09/2000	16	2.88	94	2.53	Khá	7,250,000
130	18810610013	D13CKCTM	Dương Chí	Trung	01/05/2000	15	2.53	88	2.31	Khá	7,250,000
131	18810660008	D13CNCTTBD	Nguyễn Việt	Anh	20/02/2000	16	2.63	82	2.35	Khá	7,250,000
132	18810620144	D13CODT1	Đỗ Văn	Trương	14/07/2000	13	3.46	83	3.33	Giỏi	8,000,000
133	18810620158	D13CODT1	Nguyễn Đình	Khoa	23/07/2000	13	3.19	85	2.79	Khá	7,250,000
134	18810620123	D13CODT2	Ngô Thu	Huyền	02/09/2000	13	3.15	87	2.71	Khá	7,250,000
135	18810620015	D13CODT2	Lê Minh	Thành	25/12/2000	13	2.96	98	2.69	Khá	7,250,000
136	18810410204	D13CNKTDK	Nguyễn Thị	Hiền	31/07/2000	13	2.85	90	2.6	Khá	7,250,000
137	18810410108	D13CNKTDK	Đoàn Việt	Giang	06/05/2000	13	2.77	90	3.19	Khá	7,250,000
138	18810310643	D13CNPM7	Nguyễn Quang	Hiếu	10/02/2000	17	3.74	82	3.56	Giỏi	8,000,000
139	18810310428	D13CNPM5	Nguyễn Văn	Nam	10/12/2000	17	3.71	84	3.27	Giỏi	8,000,000
140	18810310124	D13CNPM2	Vũ Minh	Châu	26/05/2000	17	3.59	86	3.38	Giỏi	8,000,000
141	18810310121	D13CNPM2	Nguyễn Tài	Lộc	13/01/2000	17	3.59	86	3.34	Giỏi	8,000,000
142	18810310192	D13CNPM2	Đỗ Mai	Phúc	09/10/2000	17	3.59	86	3.16	Giỏi	8,000,000
143	18810310426	D13CNPM5	Phí Hữu	Long	13/03/2000	17	3.59	85	3.29	Giỏi	8,000,000
144	18810310325	D13CNPM4	Phương Công	Thắng	25/07/2000	17	3.56	94	3.43	Giỏi	8,000,000
145	18810310380	D13CNPM5	Nguyễn Văn	Tú	14/01/2000	17	3.53	86	3	Giỏi	8,000,000
146	18810310423	D13CNPM5	Đình Mạnh	Hiếu	12/02/2000	17	3.53	86	2.88	Giỏi	8,000,000
147	18810310375	D13CNPM5	Nguyễn Trọng	Huy	18/12/1999	17	3.53	83	3.01	Giỏi	8,000,000
148	18810310590	D13CNPM7	Trần Thị	Trình	06/07/2000	17	3.53	80	3.31	Giỏi	8,000,000
149	18810420062	D13DCN&DD1	Nguyễn Tiến	Anh	01/02/2000	17	3.94	100	3.48	Xuất sắc	8,750,000
150	18810420082	D13DCN&DD1	Dương Quốc	Cường	16/09/2000	17	3.56	93	3.24	Giỏi	8,000,000
151	18810420175	D13DCN&DD1	Hoàng Khánh	Huy	15/09/2000	17	3.47	90	2.97	Giỏi	8,000,000
152	18819120027	D13DIENLANH	Lê Quý	Bách	28/08/2000	21	3.36	100	2.98	Giỏi	8,000,000
153	18810540050	D13DT&KTMT	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000	17	2.71	86	2.79	Khá	7,250,000
154	18810510005	D13DTVT	Trần Ngọc	Dũng	18/09/2000	15	2.5	95	2.27	Khá	7,250,000
155	18810110018	CLC.D13H	Đặng Quang	Tú	07/03/2000	17	3.24	80	2.86	Giỏi	8,000,000
156	18810110239	D13H2	Vũ Văn	Hùng	18/02/2000	20	3.03	82	2.62	Khá	7,250,000
157	18810110034	CLC.D13H	Nguyễn Trọng	Quyền	20/11/2000	17	2.97	90	3.04	Khá	7,250,000
158	18810110042	D13H1	Ngô Minh	Hiếu	26/10/2000	20	2.85	80	2.33	Khá	7,250,000
159	18810340092	D13HTTMDT1	Nguyễn Hoàng	Quân	09/02/2000	19	3.68	83	3.05	Giỏi	8,000,000
160	18810340703	D13HTTMDT1	Vũ Quang	Long	27/07/2000	19	3.61	83	3.01	Giỏi	8,000,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
161	18810340646	D13HTTMDT2	Đặng Trần	Quang	27/05/2000	19	3.58	84	3.32	Giỏi	8,000,000
162	18810340537	D13HTTMDT2	Bùi Chí	Bảo	10/11/2000	19	3.58	79	3.19	Khá	7,250,000
163	18810810163	D13KTDN2	Lê Thị Thùy	Trang	19/12/2000	16	3.38	90	3.28	Giỏi	7,150,000
164	18810810046	D13KTDN1	Bùi Thị Thu	Huyền	15/10/2000	16	3.38	88	3.43	Giỏi	7,150,000
165	18810810244	D13KTDN1	Đỗ Thị	Huyền	02/07/1999	16	3.34	88	3.38	Giỏi	7,150,000
166	18810810192	D13KTDN3	Đặng Thị Kim	Ngân	01/12/2000	16	3.28	82	3.48	Giỏi	7,150,000
167	18810810159	D13KTDN2	Phạm Thu	Uyên	01/09/2000	19	3.24	89	2.83	Giỏi	7,150,000
168	18810830014	D13KT&KS	Trần Đình	Long	15/06/2000	16	3.13	90	2.86	Khá	6,500,000
169	18810830077	D13KT&KS	Bùi Thị	Hoa	01/03/2000	16	2.88	90	2.77	Khá	6,500,000
170	18810850018	D13KIEMTOAN	Nguyễn Thúy	Hòa	13/01/2000	16	3.31	90	3.45	Giỏi	7,150,000
171	18810850040	D13KIEMTOAN	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/11/2000	16	3.28	85	3.36	Giỏi	7,150,000
172	18810000003	D13KTDĐT	Hoàng Văn	Bằng	25/01/2000	15	2.7	85	2.4	Khá	7,250,000
173	18810230020	D13LOGISTICS	Hoàng Bảo	Long	03/07/2000	17	2.97	90	2.77	Khá	7,250,000
174	18810230029	D13LOGISTICS	Đỗ Thị Thu	Hà	19/11/2000	19	2.89	92	2.78	Khá	7,250,000
175	18810840115	D13NGANHANG	Phạm Thùy	Linh	24/11/2000	18	3.33	85	3.12	Giỏi	7,150,000
176	18810220031	D13QLCN	Phan Mai	Linh	26/10/2000	17	3.32	92	2.91	Giỏi	8,000,000
177	18810210003	D13QLNL	Dương Thị Ngọc	Anh	10/01/2000	17	3.38	83	3.14	Giỏi	8,000,000
178	18810710076	D13QTDN1	Nguyễn Thị	Hoài	11/05/2000	16	3.19	95	3.34	Khá	6,500,000
179	18810710067	D13QTDN1	Lê Thị	Linh	06/05/2000	16	3.09	90	2.92	Khá	6,500,000
180	18810710210	D13QTDN1	Vũ Thị Hải	Ninh	29/03/2000	16	3.06	90	3.19	Khá	6,500,000
181	18810710037	D13QTDN1	Nguyễn Thị	Phấn	30/06/2000	16	3.03	95	2.75	Khá	6,500,000
182	18810710212	D13QTDN1	Nguyễn Thị Bích	Phượng	26/07/2000	16	3.03	90	3.2	Khá	6,500,000
183	18810720140	D13QTDLKS	Vũ Thị	Hà	11/03/2000	18	3.58	95	3.21	Giỏi	7,150,000
184	18810720149	D13QTDLKS	Ngô Thanh	Hà	03/08/2000	18	3.36	80	3.15	Giỏi	7,150,000
185	18810340678	D13QTANM	Phạm Thị	Ngọc	10/09/2000	19	3.34	90	2.89	Giỏi	8,000,000
186	18810320696	D13QTANM	Mai Trọng	Thuần	02/08/2000	19	3.32	90	3.06	Giỏi	8,000,000
187	18810820087	D13TCDN	Nguyễn Ngọc	Khánh	03/08/2000	18	3.36	96	3.17	Giỏi	7,150,000
188	18810820025	D13TCDN	Nguyễn Phương	Thảo	31/01/2000	18	3.22	83	3.01	Giỏi	7,150,000
189	18810170163	D13TDHHTD	Nguyễn Văn	Tuấn	20/11/2000	17	2.88	79	2.81	Khá	7,250,000
190	18810170328	D13TDHHTD	Nguyễn Hữu	Son	13/08/2000	20	2.65	78	2.21	Khá	7,250,000
191	18810430192	D13TDH&DKTBCN2	Phí Thành	Long	31/10/2000	13	2.77	85	3.01	Khá	7,250,000
192	18810430156	D13TDH&DKTBCN2	Vũ Nhật	Long	13/03/2000	13	2.73	90	2.79	Khá	7,250,000
193	18810430029	D13TDH&DKTBCN2	Trần Ngọc	Thịnh	30/12/2000	13	2.62	90	2.98	Khá	7,250,000
194	19810610143	D14CKCTM	Nguyễn Văn	Linh	25/11/2001	19	2.68	90	2.68	Khá	7,250,000
195	19810620054	D14CODT	Vũ Thái	Trưởng	10/12/2001	19	3.16	83	3.16	Khá	7,250,000
196	19810620004	D14CODT	Nguyễn Văn	Du	16/08/2001	19	3.05	81	2.95	Khá	7,250,000
197	19810410310	D14CNKTDK2	Phạm Văn	Thành	14/11/1998	21	3.45	90	2.35	Giỏi	8,000,000
198	19810410320	D14CNKTDK2	Vũ Trung	Trưởng	11/09/2001	21	3.4	90	2.18	Giỏi	8,000,000
199	19810310141	D14CNPM3	Vũ Ngọc	Mai	09/06/2001	21	3.62	82	3.76	Giỏi	8,000,000
200	19810310262	D14CNPM4	Nguyễn Đức	Lương	24/03/2001	21	3.5	93	3.6	Giỏi	8,000,000
201	19810310261	D14CNPM4	Nguyễn Đình	Sang	17/09/2001	21	3.5	89	3.5	Giỏi	8,000,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
202	19810310144	D14CNPM3	Nguyễn Thị	Xoan	15/07/2001	21	3.5	82	3.5	Giỏi	8,000,000
203	19810310476	D14CNPM6	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	26/11/2001	21	3.43	86	3.43	Giỏi	8,000,000
204	19810310279	D14CNPM5	Nguyễn Minh	Chiến	28/08/2001	21	3.38	90	3.38	Giỏi	8,000,000
205	19810310158	D14CNPM3	Vương Văn	Linh	18/01/2001	21	3.33	82	3.33	Giỏi	8,000,000
206	19810310151	D14CNPM3	Nguyễn Xuân	Thành	09/08/2001	21	3.33	82	3.33	Giỏi	8,000,000
207	19810310317	D14CNPM5	Đỗ Quốc	Việt	06/01/2001	21	3.31	91	3.31	Giỏi	8,000,000
208	19810310219	D14CNPM4	Nguyễn Văn	Trưởng	24/07/2001	21	3.31	80	3.31	Giỏi	8,000,000
209	19810310054	D14CNPM1	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001	21	3.26	80	3.26	Giỏi	8,000,000
210	19810310229	D14CNPM4	Nguyễn Thế	Đồng	08/05/2001	21	3.21	100	3.21	Giỏi	8,000,000
211	19810420213	D14DCN&DD1	Phạm Viết	Huy	22/02/2001	19	3.55	90	2.04	Giỏi	8,000,000
212	19810420079	D14DCN&DD2	Nguyễn Tiến	Đạt	11/02/2001	19	3.11	90	1.72	Khá	7,250,000
213	19810420256	D14DCN&DD2	Lê Xuân	Lâm	24/08/2001	19	2.97	85	1.88	Khá	7,250,000
214	19819120011	D14DIENLANH	Trần Viết	Minh	19/02/2001	16	3.25	83	2.19	Giỏi	8,000,000
215	19819120120	D14DIENLANH	Đặng Long	Vũ	21/10/2001	16	3.13	83	2.13	Khá	7,250,000
216	19810510170	D14DTVT	Nguyễn Văn	Thịnh	19/4/2001	16	2.69	80	1.73	Khá	7,250,000
217	19810510188	D14DTVT	Nguyễn Công	Thức	31/01/2001	16	2.5	80	1.76	Khá	7,250,000
218	19810110179	D14H2	Ngô Long	Toàn	12/04/2000	16	3.69	83	2.44	Giỏi	8,000,000
219	19810110177	D14H2	Nguyễn Hoàng	Anh	10/10/2001	16	3.5	88	2.55	Giỏi	8,000,000
220	19810110199	D14H2	Nguyễn Đình	Hiếu	29/10/2001	16	3.47	88	2.21	Giỏi	8,000,000
221	19810110190	D14H2	Nguyễn Tất	Đạt	27/04/2001	16	3.31	88	2.47	Giỏi	8,000,000
222	19810110024	D14H1	Phạm Khắc	Định	26/07/2001	16	3.25	84	2.19	Giỏi	8,000,000
223	19810340231	D14HTTMDT2	Nguyễn Minh	Đức	20/9/2001	23	3.37	94	3.33	Giỏi	8,000,000
224	19810340319	D14HTTMDT2	Nguyễn Thị	Châm	28/02/2001	23	3.26	100	3.26	Giỏi	8,000,000
225	19810340247	D14HTTMDT2	Trần Thị	Xuân	21/11/2001	23	3.26	100	3.22	Giỏi	8,000,000
226	19810810067	D14KTDN2	Nguyễn Hà Phương	Thảo	28/10/2001	17	3.59	86	3.59	Giỏi	7,150,000
227	19810810098	D14KTDN2	Lê Thị Bích	Ngọc	26/6/2001	17	3.5	95	3.5	Giỏi	7,150,000
228	19810810189	D14KTDN3	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	17	3.5	87	2.79	Giỏi	7,150,000
229	19810810180	D14KTDN2	Đỗ Thị Hương	Linh	27/05/2001	17	3.38	86	3.38	Giỏi	7,150,000
230	19810810104	D14KTDN2	Phạm Thị Thúy	Hòa	21/06/2001	17	3.35	86	3.35	Giỏi	7,150,000
231	19810830073	D14KT&KS	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999	17	3.35	90	3.35	Giỏi	7,150,000
232	19810850013	D14KIEMTOAN	Nguyễn Khánh	Nhường	21/06/2001	17	3.53	90	3.53	Giỏi	7,150,000
233	19810000112	D14KDTMTT	Phan Thị Thu	Phương	07/08/2001	17	3.65	85	3.65	Giỏi	7,150,000
234	19810230004	D14LOGISTICS1	Trần Thanh	Yến	21/01/2001	19	3.37	80	1.97	Giỏi	8,000,000
235	19810840025	D14NGANHANG	Nguyễn Cao Trung	Hiếu	04/03/2001	17	3.21	100	3.21	Giỏi	7,150,000
236	19810840012	D14NGANHANG	Bùi Huyền	Trang	28/01/2001	17	3.18	80	3.18	Khá	6,500,000
237	19819110008	D14NHIET	Lương Thùy	Liên	13/03/2001	16	2.94	95	2.4	Khá	7,250,000
238	19810000099	D14QLDT&KH	Bùi Thị Thanh	Bình	06/01/2001	19	2.79	84	2.1	Khá	7,250,000
239	19810710012	D14QTDN1	Lê Thị	Tới	01/11/1998	17	3.82	95	3.12	Xuất sắc	7,800,000
240	19810710278	D14QTDN1	Ninh Quang	Tuấn	08/8/1999	17	3.74	90	3.03	Xuất sắc	7,800,000
241	19810710137	D14QTDN2	Trần Khánh	Chi	26/08/2001	17	3.62	90	3.62	Xuất sắc	7,800,000
242	19810710070	D14QTDN1	Bùi Thị Hồng	Ngọc	09/02/2001	17	3.53	90	2.82	Giỏi	7,150,000

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ và	Tên	Ngày sinh	STC	Điểm TB hệ 4	Điểm RL	TBCTL	XLHB	Số tiền)
243	19810720140	D14QTDLKS2	Vũ Thị	Thoảng	07/09/2000	17	3.71	81	3.71	Giỏi	7,150,000
244	19810720063	D14QTDLKS1	Kiều Thị	Huyền	28/05/2001	17	3.38	85	3.38	Giỏi	7,150,000
245	19810720205	D14QTDLKS2	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001	17	3.29	80	3.29	Giỏi	7,150,000
246	19810720139	D14QTDLKS2	Nguyễn Thị	Mai	06/04/2001	17	3.06	83	3.06	Khá	6,500,000
247	19810720257	D14QTDLKS2	Dương Thị	Bảo	29/05/2001	17	3.06	79	3.06	Khá	6,500,000
248	19810320210	D14QTANM1	Phạm Đức	Long	04/08/2000	23	3.22	88	3.22	Giỏi	8,000,000
249	19810820077	D14TCDN	Nguyễn Thị	Hường	16/9/2001	17	3	100	3	Khá	6,500,000
250	19810530122	D14TBDTYT	Hoàng Thanh	Hà	23/05/2001	16	2.5	84	2.05	Khá	7,250,000
251	19810000356	D14TTNT&TGMT	Lê Quang	Sang	10/03/2001	19	3.42	80	3.42	Giỏi	8,000,000
252	19810170298	D14TDHHTD2	Hoàng Trung	Hiếu	12/4/2001	19	3.18	79	2.38	Khá	7,250,000
253	19810170196	D14TDHHTD2	Tường Gia	Huy	15/06/2001	19	3.03	81	2.47	Khá	7,250,000
254	19810430113	D14TDH&DKTBCN1	Phạm Quang	San	26/08/2001	21	3.19	86	2.46	Khá	7,250,000
255	19810430080	D14TDH&DKTBCN1	Chu Đình	Ninh	27/01/2001	21	3.05	85	2.07	Khá	7,250,000
256	19810430051	D14TDH&DKTBCN1	Nguyễn Quang	Huy	05/03/2001	21	3.05	78	1.64	Khá	7,250,000
257	19810430159	D14TDH&DKTBCN2	Trần Nhất	Thiện	15/11/2001	21	2.9	90	1.78	Khá	7,250,000
258	19810430343	D14TDH&DKTBCN2	Vũ Ngọc	Hải	04/10/2001	21	2.83	90	1.94	Khá	7,250,000
259	1751430042	C16DK&TDH	Lê Thị Thùy	Trang	29/10/1998	8	3.88	92	3.23	Xuất sắc	6,900,000
260	1751020017	C16CNTT	Nguyễn Việt	Tiến	19/11/1999	8	4	95	3.12	Xuất sắc	6,900,000
261	1751110003	C16LDDD	Đoàn Xuân	Đạt	17/01/1999	8	3.63	82	2.55	Giỏi	6,350,000
262	1751110107	C16VHT&MD	Nguyễn Đức	Nhật	29/04/1999	8	3.88	98	2.85	Xuất sắc	6,900,000
263	19510000011	C18DK&TDH	Phạm Quốc	Lâm	15/9/1993	12	7.9	85	6.6	Giỏi	6,350,000